

Số: 114/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 13 tháng 5 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HƯNG YÊN**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn Nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 169/2026/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con sau ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

**Anh Trần Quang V**, sinh năm 1997; Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn L, xã C, tỉnh Hưng Yên.

**Chị Phạm Thị G**, sinh năm 2001; Đăng ký HKTT: Thôn L, xã C, tỉnh Hưng Yên; Trú tại: Thôn M, xã C, tỉnh Hưng Yên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và lời khai của các đương sự trình bày: Anh Trần Quang V và chị Phạm Thị G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (nay là xã C, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 03/4/2019. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh V và chị G tuân thủ đúng các điều kiện và thủ tục kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, anh V và chị G chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân từ trước năm 2021, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã có cuộc sống riêng. Từ năm 2021 đến đầu năm 2026, anh V phải chấp hành hình phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Trong suốt thời gian này, mối quan hệ vợ chồng hoàn toàn gián đoạn, không có sự gắn kết về tình cảm cũng như trách nhiệm trong gia đình.

Sau khi anh V chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã thống nhất gửi đơn đến Tòa án nhân dân khu vực

3 – Hưng Yên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con để sớm ổn định cuộc sống.

Tòa án đã mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành vì cả hai đương sự giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, yêu cầu thuận tình ly hôn của hai đương sự là có căn cứ, tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. **Về con chung:** Anh V và chị G đều khẳng định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang T, sinh ngày 10/02/2019. Cháu T phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ. Ngoài ra vợ chồng không có con riêng, không có con nuôi, chị G hiện không mang thai.

Anh V và chị G thỏa thuận và thống nhất: Giao cháu Trần Quang T, sinh ngày 10/2/2019 cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: anh V và chị G không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. **Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Anh V và chị G đã được thẩm phán giải thích quyền, nghĩa vụ của anh chị theo quy định của pháp luật nhưng cả hai anh chị đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không có ruộng đất nông nghiệp liên quan, không có công sức đóng góp, xây dựng tài sản đối với gia đình hai bên nên không đề nghị tòa án đặt ra giải quyết trong việc dân sự này.

[4] **Về lệ phí:** Chị G tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí về việc giải quyết việc dân sự và được anh V nhất trí.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 05/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Quang V và chị Phạm Thị G đều tự nguyện nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

- **Về con chung:** Giao cháu Trần Quang T, sinh ngày 10/2/2019 cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: anh V và chị G không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh V có quyền thăm nom con chung của mình và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

*- Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng canh tác nông nghiệp, công sức chung của vợ chồng với hai bên gia đình: Anh V và chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.*

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị G tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn; được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002114 ngày 23/4/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên Chị G đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

## **THẨM PHÁN**

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên
- UBND xã Châu Ninh (GCNKH số 13/2019);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Nguyễn Thị Thu Hương**